

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 4516/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 05 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây)
tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định,
của Công ty TNHH Nhật Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2508/STNMT-CCBVMT ngày 27/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây) tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Nhật Minh;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây) tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 99/CV-NM ngày 26/11/2023 của Công ty TNHH Nhật Minh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1469/TTr-STNMT ngày 04/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Nhật Minh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Vân Canh;
- UBND xã Canh Vinh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

[Signature]

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAİ THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
(CÁT XÂY) TẠI SÔNG HÀ THANH, XÃ CANH VINH,
HUYỆN VÂN CANH CỦA CÔNG TY TNHH NHẬT MINH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây) tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.
- Địa điểm thực hiện: tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nhật Minh.
- Địa chỉ liên hệ: Số 819, đường Hùng Vương, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0256.363168.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: 3,8 ha.
- Thời gian khai thác: 01 năm (dự kiến năm 2024), theo tiến độ hoàn thành Công trình Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây Tĩnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ do Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh Bình Định làm chủ đầu tư.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h00 và từ 13h00 đến 17h00).
- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 3391/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh trữ lượng huy động vào khai thác tại Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh: 43.314 m³ cát địa chất.
- Công suất khai thác: 38.764m³ cát địa chất/năm.

1.3. Trình tự, phương pháp khai thác: Mở vĩa khai thác từ phía Đông Bắc dự án (tại điểm góc số 1), khai thác theo lớp bằng, chiều sâu khai thác trung bình (0,6-1,75) m, cao trình kết thúc khai thác không thấp hơn +6,0m đối với năm thứ nhất và +7,0m đối với năm thứ hai (theo Văn bản số 2151/SNN-TL ngày 05/7/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Tuyến khai thác được phát triển theo tuyến song song với hướng dòng chảy của sông, khai thác theo dải, từ dòng chảy vào bờ. Sử dụng 01 máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa cát tạm trước khi đưa lên ô tô vận chuyển tải trọng 15 tấn đến nơi thi công công trình.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

- Khu vực sân công nghiệp diện tích khoảng 400 m² (nằm ngoài ranh giới mỏ) bố trí nhà công nhân, nhà vệ sinh, camera, bảng thông báo, trạm cân.
- Bãi lưu chứa cát tạm (nằm trong khu vực mỏ) diện tích khoảng 500 m² để thực hiện lưu chứa và rút nước, đảm bảo cát khô trước khi vận chuyển tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày và thu dọn trước ngày 15/9 hằng năm.
- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ:
 - + Tuyến đường đất hiện trạng nối từ đường Tuyến đường Long Vân – Long Mỹ đến bãi bồi hiện trạng có kích thước: dài 560 m x rộng 4 m.
 - + Tuyến đường trên bãi bồi hiện trạng đến ranh giới phía Tây khu mỏ (đi qua dòng chảy của sông) có kích thước: dài 540 m x rộng 4 m. Trong đó, đoạn qua dòng có kích thước (dài 24 m x rộng 5 m) kết cấu là các rọ đá (kích thước dài 0,8 m x rộng 1 m x cao 2 m) kết hợp đá dăm, phía dưới lớp rọ đá sẽ lắp 06 làn cống bê tông cốt thép (kích thước D1.000 x dài 2,5 m), mỗi làn lắp 2 cống để đảm bảo cho việc lưu thông dòng chảy và thoát lũ tiểu mãn.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Tuyến đường nội bộ và bãi lưu chứa cát tạm có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.
- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở bờ, kè ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con; nguy cơ hút nước cấp cho Trạm bơm Cây Me ở thượng lưu và Trạm bơm Gò Bồi ở hạ lưu.
- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi cát, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,64 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh.
- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác cát, sàng cát và vận chuyển cát đến các công trình.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 6 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.
- Chất thải nguy hại phát sinh tại khu mỏ:
 - + Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06)

khoảng 01 kg/năm.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực phụ trợ để thu gom, xử lý. Khi bể đầy, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát (đoạn đường đất hiện trạng): thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi lưu chứa cát tạm: thực hiện che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Bố trí 6 làn cống (gồm: 24 cống BTCT Ø1.000, chiều dài 2,5 m) dưới tuyến đường đất qua nhánh sông hiện trạng đến ranh giới mỏ, đảm bảo thoát nước cho nhánh sông Hà Thanh.

- Công ty có phương án dẫn dòng và đắp bờ để dẫn nước về trạm bơm, không để tình trạng hực nước vào cửa hút trạm bơm ảnh hưởng đến việc canh tác của người dân tại địa phương.

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I Khu vực mỏ					
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	Cái	4,0	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc dự án
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	2.007	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Sau khi kết thúc khai thác
3.	Đo vẽ địa hình khu vực mỏ	ha	3,8	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
II Khu vực ngoài mỏ					
1.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển (đoạn có rơi vãi cát qua khu dân cư)	m ³	100	Giảm thiểu bụi, cát bay	Thường xuyên
2.	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	15	Trả lại hiện trạng ban đầu	Định kì khi có cát vương vãi và sau khi kết thúc khai thác mỏ.
3.	Tháo dỡ đường giao thông có cống ngầm vào năm khai thác cuối	m ³	352,9	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Sau khi kết thúc khai thác
4	Tháo dỡ ống cống bê tông	Cấu kiện	24	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Sau khi kết thúc khai thác
5	Nâng cấp cải tạo tuyến đường phục vụ khai thác	m ³	1.230	Phục vụ vận chuyển cát đi tiêu thụ	Sau khi kết thúc khai thác
6	Tháo dỡ tuyến đường trên bãi bồi đến ranh giới dự án	m ³	1.080	Không tạo hố lồi lõm	Sau khi kết thúc khai thác
7	Đào đắp, nạo vét mương dẫn nước vào cửa hút trạm bơm nằm ở phía Đông Bắc và Tây Bắc dự án	m ³	6.976	Đảm bảo cấp nước cho trạm bơm	Trong quá trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **334.550.000 đồng**
(Bằng chữ: Ba trăm ba mươi bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

- Số lần ký quỹ: 01 lần; thực hiện ký quỹ như sau:
- + Một lần, số tiền: 334.550.000 đồng; thời điểm ký quỹ trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mỏ tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con, gây hiện tượng thiếu nước đưa về trạm bơm Gò Bồi và trạm bơm Cây Me, Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Sau khi kết thúc khai thác Công ty thực hiện tháo dỡ đường nội bộ đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.

5.2. Giám sát dòng chảy:

- Thực hiện giám sát việc khai thác đảm bảo lưu thông dòng chảy.
- Vị trí giám sát: giám sát tại khu vực dự án.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở hai bên bờ, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển cát.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.